

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2024/DS- ST
Ngày: 23-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vũ
- Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:174 /2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị L, sinh năm 1959
Địa chỉ: A khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
- Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thanh P, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Bà L, chị P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu chị Phạm Thị Thanh P trả cho bà số tiền vay là 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 5/2023 cho đến khi tòa xét xử với mức lãi là 1,66%/tháng,.

Tại phiên tòa bà rút yêu cầu tính lãi số tiền vay 100.000.000 đồng từ tháng 5/2023 cho đến khi tòa xét xử với mức lãi là 1,66%/tháng, bà chỉ yêu cầu chị P trả cho bà 100.000.000 đồng tiền vay, không tính lãi.

Ngày 05/6/2023 chị P có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn mua bán thỏa thuận lãi 2%/tháng. Hứa trong thời hạn 03 tháng sẽ trả lại cho bà, đến hạn bà đến đòi thì chị P không trả tiền cho bà, từ khi mượn đến nay không có trả lãi và gốc cho bà. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền và thống nhất ký tên.

- Tại bản tự khai, tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Lệ P trình bày:

Chị thừa nhận có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng. Tại bản tự khai chị yêu cầu bà L khấu trừ cho chị 30.000.000 đồng mà bà L đã nhận nên chị đồng ý trả cho bà L 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị đồng ý trả cho bà L 80.000.000 đồng còn lại 20.000.000 đồng chị yêu cầu bà L khấu trừ vào số tiền bà L đã nhận để làm giấy tờ đất.

Vào tháng 3/2022 chị có ủy quyền cho bà L đứng ra giải quyết đơn khiếu nại cho chị trong việc tranh chấp đất đai với bà H thừa 177 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thanh T.

Tháng 6/2022 do có sự tin tưởng lẫn nhau giữa chị và bà L nên bà L vay tiền của ngân hàng L dành cho cán bộ hưu trí để cho chị vay và trả lãi hàng tháng cho bà số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 6%/tháng.

Ngày 09/7/2022 bà L yêu cầu chị đưa lại số tiền 30.000.000 đồng và xác nhận cho chị tờ giấy tay do bà L tự viết. Tháng 12/2022 bà L yêu cầu chị ký xác nhận giấy ghi nợ lại lần nữa nhưng không có ghi ngày tháng vì chị vẫn đóng lãi cho bà L hàng tháng. Ngày 17/12/2023 chị với bà L có mâu thuẫn với nhau. Chị đã không đóng lãi cho bà nữa.

Tại bản tự khai ngày chị yêu cầu bà L phải khấu trừ lại 30.000.000 đồng mà bà L đã nhận của chị.

Tại tòa chị xác định đã nhận lại 30.000.000 đồng từ bà L nên đối với tiền vay chị vẫn còn nợ bà L 100.000.000 đồng nhưng chị chỉ đồng ý trả 80.000.000 đồng, chị yêu cầu bà L phải khấu trừ lại 20.000.000 đồng mà bà L đã nhận của chị để làm giấy tờ đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị L là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị L rút yêu cầu đối với chị Phạm Thị Thanh P về việc tính lãi từ tháng 5/2023 đến ngày tòa xét xử với mức lãi 1,66%/tháng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị P trả cho bà L 100.000.000 đồng tiền vay, không tính lãi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giao dịch tiền vay giữa các bên được hai bên thừa nhận có thật, tuy hai bên không thống nhất về thời gian vay tiền nhưng chị P thừa nhận có vay 100.000.000 đồng như phía bà L yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở khẳng định chị P có vay của bà L 100.000.000 đồng. Chị P yêu cầu khấu trừ 20.000.000 đồng mà bà L đã nhận của chị để làm giấy tờ đất của thửa 177, tại T nhưng không làm được nên chị chỉ đồng ý trả 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị P yêu cầu khấu trừ 20.000.000 đồng nhưng bà L không đồng ý. Tại phiên tòa chị P mới trình bày yêu cầu khấu trừ 20.000.000 đồng, đây là yêu cầu mới phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ kiện này. Chị P được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác nếu có yêu cầu. Hội đồng xét xử buộc chị Phạm Thị Thanh P hoàn trả cho bà Võ Thị L số tiền vay 100.000.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của số tiền phải trả cho bà L là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 192, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L về việc yêu cầu chị Phạm Thị Thanh P trả tiền lãi từ tháng 5/2023 đến ngày tòa xét xử với mức 1,66%/tháng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L.

Buộc chị Phạm Thị Thanh P hoàn trả cho bà Võ Thị L số tiền vay là 100.000.000(Một trăm triệu) đồng, ghi nhận bà L không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Chị Phạm Thị Thanh P phải nộp tiền án phí là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Dương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

